

# ĐỊNH HƯỚNG CẢI TIẾN NỘI DUNG ĐÀO TẠO TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM

• ThS. VŨ MINH HÙNG

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Đồng Nai

## 1. Tình hình kinh tế - xã hội và sự phát triển CN ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (KTTĐPN)

Vùng KTTĐPN(\*) là vùng công nghiệp (CN) lớn, đóng góp tích cực cho quá trình tăng trưởng của nền kinh tế đất nước bằng phấn đấu đạt nhịp độ tăng trưởng cao, đi trước, thúc đẩy quá trình chuyển tải xuất nhập khẩu và phát triển thị trường hàng hoá, dịch vụ, vốn, lao động, công nghệ. Đây là cửa ngõ và đầu mối giao lưu quốc tế năng động, góp phần tăng thêm sức mạnh đối trọng, nâng cao vị trí của nước ta trong đối thoại, mở rộng hợp tác, từng bước thích ứng và hội nhập với kinh tế thế giới, đặc biệt là với các nước khu vực Đông Nam Á và Châu Á - Thái Bình Dương.

Trong mấy năm qua, tốc độ tăng trưởng bình quân GDP ở vùng KTTĐPN khá cao so với toàn quốc (11,9%). Từ 2001-2005 tốc độ tăng GDP vẫn giữ ở mức trên 12,7%. Giá trị GDP của vùng này so với phía Bắc gấp 2,23 lần (2006). Trong tổng GDP của vùng, Tp.HCM chiếm 60-65%, Đồng Nai: 20- 24%, Bình Dương 10-11%. Tổng giá trị xuất khẩu năm 2005 là 2.612,4 triệu USD. Tổng kim ngạch nhập khẩu là 1.198,4 triệu USD. Hệ số xuất khẩu/nhập khẩu trên địa bàn là 2,18. Bình quân đầu người xuất khẩu mỗi năm của vùng là 371 USD, trong đó bình quân xuất khẩu địa phương trên đầu người là 84,3

USD. Thu ngân sách so với GDP đạt 17,37% và đóng góp 36 % tổng thu ngân sách cả nước. Với khả năng phát triển như trên, từ nay đến năm 2010 vùng sẽ đạt nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao nhất so với các vùng khác trong cả nước, kể cả vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, cũng như vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Sản xuất CN là thế mạnh của vùng và có thể nói là mạnh nhất nước. Toàn vùng có trên 70 khu CN (KCN) và khu chế xuất (KCX) với 29.500 cơ sở sản xuất CN, trong đó có 29.125 cơ sở ngoài quốc doanh (98,5%). Mức sản xuất của vùng thường chiếm 2/3 giá trị sản lượng CN của Nam Bộ và khoảng một nửa giá trị sản lượng CN cả nước. Tp.HCM là trung tâm CN lớn nhất chiếm 56,7% giá trị tổng sản lượng CN toàn vùng. Kế đến là tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Dương, các KCN đang hoạt động, cũng như các KCN đã được quy hoạch thuận lợi về điều kiện tự nhiên, môi trường và đạt hiệu quả cao, phát triển bền vững phù hợp với quá trình CNH, HĐH.

Định hướng trong thời gian tới, tốc độ tăng trưởng bình quân về giá trị sản xuất CN và kim ngạch xuất khẩu sản phẩm CN giai đoạn 2006-2010 đạt 15-16%; giai đoạn 2016-2020, mục tiêu phát triển lần lượt đạt khoảng 13-14%, 14-15%, giai đoạn 2006-2010, khu vực CN thu hút thêm khoảng 800 đến 810 nghìn lao động. Đến năm 2020, ngành CN sẽ có khoảng 5,5 đến 6 triệu lao động, chiếm 37-38% tổng số lao động trên địa bàn. So với năm 2005, năng suất lao động CN (tính theo GDP) năm 2010 đạt gấp

(\*) Vùng KTTĐPN gồm Tp. Hồ Chí Minh và 6 tỉnh: Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Tây Ninh, Bình Phước.

khoảng 1,46 lần, năm 2020 gấp 3,5 - 4 lần. Một trong những giải pháp quan trọng là tăng cường sự hợp tác liên kết giữa các tỉnh trong vùng và giữa vùng KTTĐPN với các vùng kinh tế khác trong cả nước; từng bước hình thành các cụm liên kết doanh nghiệp; hình thành một số khu công nghệ cao tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và Tp.Hồ Chí Minh.

## **2. Vai trò của giáo dục nghề nghiệp (GDNN) trong sự phát triển CN ở vùng KTTĐPN**

Do sự phát triển CN tăng nhanh với quy mô và tốc độ cao, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật, đặc biệt là hệ thống giáo dục nghề nghiệp (GDNN) cần nhanh chóng chuẩn bị đủ lực lượng lao động kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của toàn vùng nói chung và cho các KCN nói riêng. Theo dự báo của các Ban quản lý các KCN trong vùng, từ nay đến năm 2010, vùng sẽ thu hút thêm 3,8 triệu người vào làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân, trong đó CN khoảng 43%, xây dựng 12% và các ngành dịch vụ 45%. Do đó việc đào tạo và đào tạo lại lực lượng đội ngũ lao động kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu phát triển CN trong vùng là hết sức cần thiết, phải được coi như một trong những điều kiện tiên quyết để thành công.

GDNN theo quan điểm giáo dục toàn diện là đảm bảo người học có kiến thức kỹ thuật hệ thống và vững chắc, đồng thời có kỹ năng tay nghề cơ bản, trên cơ sở đó tạo khả năng thích ứng cao với những biến đổi kỹ thuật và công nghệ. Vì thế, GDNN bao gồm cả mặt giáo dục và mặt huấn luyện, là quá trình chuẩn bị đầy đủ nhân cách và kỹ năng thực hiện công việc cho thanh, thiếu niên bước vào cuộc sống lao động nghề nghiệp.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển CN cùng với sự chuyển dịch lao động diễn ra trên quy mô lớn giữa các ngành, chủ yếu từ khu vực nông nghiệp sang CN và dịch vụ, giữa các địa phương trong

vùng, hệ thống GDNN trong toàn vùng phải mở rộng cả quy mô và chất lượng đào tạo, nhất là lực lượng lao động trẻ ở các vùng miền trên cả nước đến nhập cư và làm việc tại các KCN. Các cơ sở GDNN trong vùng cần tập trung đẩy mạnh phát triển các hình thức đào tạo kỹ năng chuyên nghiệp, hình thành một đội ngũ công nhân kỹ thuật và chuyên viên trung cấp với phương châm đào tạo giáo dục gắn với huấn luyện nghề nghiệp, chất lượng đào tạo phải theo kịp và đáp ứng cho những ngành nghề mới phát triển theo yêu cầu của doanh nghiệp, tạo nền để nâng cao, chuyên sâu vào khoa học kỹ thuật ứng dụng.

Cùng với việc mở rộng quy mô đào tạo, GDNN cần chú trọng đến nâng cao chất lượng đào tạo theo các chuẩn chất lượng phù hợp là điều hết sức quan trọng; dựa vào chuẩn để đánh giá mức độ chất lượng của các thành tố trong hệ thống GDNN. Quá trình đào tạo trong GDNN chịu ảnh hưởng của các điều kiện tiến hành giáo dục và đào tạo. Do vậy, muốn nâng cao chất lượng GDNN cũng cần quan tâm đến các điều kiện để tiến hành đào tạo. Nếu các điều kiện để bảo đảm chất lượng không đạt chuẩn thì sản phẩm của đào tạo khó lòng đạt được chuẩn đề ra. Do đó, việc nâng cao chất lượng GDNN cần quan tâm đến các nhóm yếu tố xác định chuẩn chất lượng GDNN của quá trình đào tạo: nhóm các yếu tố liên quan đến đầu vào của quá trình đào tạo; nhóm các yếu tố liên quan đến quá trình dạy học và nhóm các yếu tố liên quan đến đầu ra của quá trình đào tạo.

## **3. Một số định hướng cải tiến nội dung đào tạo trong GDNN ở vùng KTTĐPN**

Quá trình đào tạo trong GDNN là quá trình tương tác giữa giáo viên và học sinh thông qua mục đích, nội dung và phương pháp đào tạo. Thực tế sản xuất với sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học công nghệ đã phát sinh thêm nhiều ngành nghề mới với nhiều nội dung phong phú



và hiện đại, do đó nội dung đào tạo của từng ngành nghề trong GDNN phải luôn được cải tiến, cập nhật và thỏa mãn những yêu cầu của sự phát triển CN đang đặt ra. Căn cứ vào thực tiễn và yêu cầu của sự phát triển CN, chúng tôi xin đề xuất một số định hướng cải tiến nội dung đào tạo trong GDNN ở vùng KTTĐPN như sau:

*- Cải tiến nội dung đào tạo theo hướng cơ bản và thực tiễn*

Nội dung đào tạo cần được xây dựng trên cấu trúc cơ bản của khả năng hành nghề bao gồm ba yếu tố kiến thức, kĩ năng, thái độ trong các chuẩn về nghề nghiệp cần đạt được và các điều kiện thực hiện cần có. Mặt khác, nội dung đào tạo phải thực tiễn trong việc định hướng đầu ra, cụ thể là người học viên tốt nghiệp có khả năng làm được gì và có thể làm được tốt như mong đợi. Việc lựa chọn nội dung đào tạo một cách phù hợp với trình độ của người học, trình độ thực tiễn nghề nghiệp và nó là nền tảng cơ bản nhằm phát huy tính năng động và sáng tạo của người học. Mục tiêu đào tạo phải xác định đúng mức, nội dung đào tạo phải thể hiện qua mục tiêu, như vậy chương trình đào tạo phải dựa trên cơ sở nhu cầu của xã hội, thực tiễn sản xuất và trên cơ sở phân tích nghề, đặc biệt là những nghề mang tính mũi nhọn cho sự phát triển CN ở trong vùng như nhóm nghề nghiệp thuộc công nghệ giày da, chế biến gỗ xuất khẩu và các nhóm nghề công nghệ điện tử phụ trợ đang thu hút một lực lượng lao động rất lớn.

Bên cạnh đó, việc cải tiến nội dung đào tạo để tạo mọi điều kiện cho người học có thể dễ dàng học tiếp lên các mức độ chuyên môn và bậc học cao hơn, không quá ràng buộc người học. Kết cấu chương trình nội dung đào tạo theo từng Module, nhiều Module kết nối để tạo thành một chỉnh thể đào tạo, thích hợp và cần thiết cho mọi đối tượng đào tạo. Đặc biệt trong GDNN, việc triển khai học tập theo Module làm cho người học dễ dàng sắp xếp thời gian học tập, để

sau khi học đầy đủ họ sẽ được công nhận trình độ tay nghề một cách chính thức. Theo phương thức này người học phải biết lựa chọn ngành nghề đó một cách tự nguyện thì việc cải tiến nội dung đào tạo trong GDNN mới đạt hiệu quả cao.

*- Cải tiến nội dung đào tạo theo hướng hiện đại và linh hoạt*

Công nghệ của nền sản xuất CN hiện đại rất phong phú và đổi mới liên tục cả về tính chất, phạm vi của công nghệ. Nội dung đào tạo trong GDNN cũng cần phải cải tiến để hiện đại hóa nhằm tiếp cận được những công nghệ mới mang tính nhảy vọt, đột biến, từ đó có thể đem lại sự biến đổi sâu sắc trong đào tạo nguồn nhân lực và đáp ứng được yêu cầu phát triển CN. Nội dung đào tạo nghề nghiệp trong quá trình đổi mới công nghệ theo hướng đi thẳng, tức là làm cho cả hai yếu tố lao động và máy móc thiết bị cùng được tiết kiệm theo tỉ lệ thuận; hoặc đổi mới công nghệ theo hướng đi xiên, tức là làm cho yếu tố giá không thay đổi, tỉ số tối thiểu giữa máy móc thiết bị và lao động sẽ tăng lên, song sức lao động sẽ được tiết kiệm. Trong trường hợp này, để tạo ra cùng một lượng đầu ra thì chi phí lao động sẽ ít hơn là chi phí máy móc thiết bị. Việc cải tiến nội dung đào tạo thể hiện qua sự tương tác với thị trường lao động, tiếp cận công nghệ mới, bảo đảm hình thành tri thức, kĩ năng và kĩ xảo nghề nghiệp cho người học, tạo điều kiện thuận lợi cho người học trực tiếp tham gia lao động nghề nghiệp chuyên môn, đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp trong vùng, góp phần vào sự phát triển CN nhanh và bền vững. Nội dung chương trình phải đảm bảo tính hiện đại và linh hoạt, thể hiện thông qua các thông tin kiến thức phù hợp với sự tiến bộ của khoa học kĩ thuật, việc tiếp cận các công nghệ mới và các phương pháp tiên tiến trong sản xuất. Để nâng cao chất lượng GDNN, cần xây dựng các chương trình có nội dung đào tạo phù hợp với sự phát triển để người học có

điều kiện nâng cao trình độ cả về kiến thức lẫn tay nghề theo nhu cầu doanh nghiệp. Nội dung chương trình phải thường xuyên được cập nhật, cần xác định phần nào có tính ổn định lâu dài và phần nào cần cập nhật, bổ sung một cách linh hoạt. Có như vậy mới thực hiện được mục tiêu đào tạo trong cơ chế thị trường và đáp ứng được nhu cầu phát triển CN.

*- Cải tiến nội dung đào tạo theo hướng tích hợp lý thuyết và thực hành*

Tích hợp là hành động liên kết các đối tượng nghiên cứu, giảng dạy, học tập của cùng một lĩnh vực hoặc vài lĩnh vực khác nhau trong cùng một kế hoạch dạy học. Đây là quá trình thống nhất các thành phần kiến thức, kỹ năng thuộc các lĩnh vực kỹ thuật công nghệ khác nhau thành một chỉnh thể thống nhất nhằm hình thành một cách có chất lượng và hiệu quả ở học sinh hệ thống các tri thức, kỹ năng thái độ cần thiết theo yêu cầu của mục tiêu đào tạo.

Việc xây dựng nội dung đào tạo theo hướng tích hợp lý thuyết và thực hành có thể được triển khai trong “nội bộ một môn học” - tích hợp trong một môn học- ưu tiên các nội dung của môn học. Hoặc theo quan điểm “đa môn” - tích hợp đa môn - những tình huống, những kỹ năng được nghiên cứu theo các môn học khác nhau. Hoặc theo quan điểm “liên môn” – tích hợp liên môn - trong đó đề xuất những tình huống chỉ có thể tiếp cận một cách hợp lý qua sự liên kết của nhiều môn học. Sự liên kết của nhiều môn học làm cho chúng tích hợp với nhau để giải quyết một tình huống cho trước; quá trình học tập sẽ không bị rời rạc mà liên kết với nhau xung quanh những vấn đề cần giải quyết. Hoặc theo quan điểm “xuyên môn” - tích hợp xuyên môn - chủ yếu phát triển những kỹ năng mà học sinh có thể sử dụng trong tất cả các môn học, trong tất cả các tình huống. Những kỹ năng này gọi là kỹ năng xuyên môn: có thể lĩnh hội các kỹ năng này trong từng môn học và có thể áp dụng ở mọi nơi.

Việc áp dụng các nội dung đào tạo tích hợp lý thuyết và thực hành có thể thực hiện ở các mức độ khác nhau: từ phối hợp, kết hợp, đến tích hợp hoàn toàn ở mức độ thấp có sự phối hợp về nội dung, phương pháp của một số môn có liên quan nhưng mỗi môn cần đặt trong một phần hay những chương riêng. Tích hợp ở mức độ cao hơn có sự kết hợp chặt chẽ trong nội dung, đặc biệt là những phần giao nhau của các môn này. Tích hợp ở mức cao nhất được thực hiện khi nội dung của các môn học được hòa vào nhau hoàn toàn thành một chỉnh thể mới, đạt mục tiêu đã đề ra một cách hiệu quả và tiết kiệm hơn về nội dung và thời gian trong quá trình đào tạo nghề nghiệp.

Tóm lại, qua việc nghiên cứu thực trạng GDNN cùng với vai trò quan trọng của GDNN đối với sự phát triển CN ở vùng KTTĐPN thì việc cải tiến nội dung đào tạo trong GDNN theo một số định hướng nêu trên nếu được áp dụng cụ thể trong quá trình đào tạo những nghề nghiệp riêng biệt là một trong những hướng đi quan trọng góp phần nâng cao chất lượng GDNN đáp ứng được nhu cầu lao động cho các doanh nghiệp trong sự phát triển CN trên địa bàn ở vùng KTTĐPN trong giai đoạn đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tổng kết 2001-2006 - Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương.
2. *Kỷ yếu Hội thảo liên kết đào tạo và sử dụng nhân lực khu công nghiệp Đồng Nai, 2004.*
3. *Kỷ yếu Hội thảo đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho khu chế xuất, khu công nghiệp, TP.HCM, 2007.*
4. Nguyễn Quang Huỳnh, *Một số vấn đề lý luận giáo dục chuyên nghiệp và đổi mới phương pháp dạy-học* – NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2006.

#### SUMMARY

*The article presents the socio-economic situation and industrial development of Southern major economic zones, the role of vocational education in the industrial development of Southern major economic zones on which basis to suggest a number of directions to improve the content of vocational education in Southern major economic zones.*